

Bản án số: 19/2019/HSST

Ngày: 14/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy Hải.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Quảng và bà Bùi Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Năm- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Thị P**- Sinh ngày 23/8/1989, tại Thủy Nguyên, Hải Phòng;

Nơi cư trú: Tổ 5, khu C, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Thủ kho; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Hữu R và bà: Đỗ Thị T; Có chồng là: Nguyễn Xuân B và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh ngày 19/6/2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú ngày 04/10/2018, tạm giữ đến ngày 12/10/2018, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến ngày 17/3/2019, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Hà Mạnh T**- Sinh ngày 28/12/1983, tại Cẩm Phả, Quảng Ninh;

Nơi cư trú: Tổ 2, khu 2A, phường C, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh;

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn T và bà: Lương Thị N; Có vợ là: Nguyễn Thị M và có 01 con sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 04/10/2018, tạm giam đến ngày 16/01/2019, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến ngày 17/3/2019, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Vũ Hữu B**- Sinh ngày 09/10/1986, tại Cẩm Phả, Quảng Ninh;

Nơi cư trú: Tổ 2, khu 4B, phường C, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Cán bộ kỹ thuật; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: Là Đảng viên Đảng cộng sản (đã bị tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng); Con ông: Vũ Hữu P và bà: Trần Thị H; Có vợ là: Hoàng

Thị Thanh N và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú ngày 05/10/2018, tạm giam đến ngày 12/12/2018, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến ngày 17/3/2019, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Vũ Đình D**- Sinh ngày 18/4/1983, tại Cẩm Phả, Quảng Ninh;

Nơi cư trú: Tổ 8, khu 2, phường M, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn C và bà: Nguyễn Thị T (đã chết); Có vợ là: Lê Khánh T và có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 04/10/2018, tạm giam đến ngày 08/01/2019, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến ngày 17/3/2019, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: **Công ty Cổ phần than Vinacomin.**

Địa chỉ: phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Vương Văn B- sinh năm 1959- Chức vụ: Phó giám đốc Công ty Cổ phần than Vinacomin, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

1- Anh Vũ Hữu V- sinh năm 1963, có mặt tại phiên tòa.

2- Anh Đặng Văn P- sinh năm 1973, có mặt tại phiên tòa.

3- Anh Đỗ Hồng D- sinh năm 1980, có mặt tại phiên tòa.

4- Anh Tạ Quân T- sinh năm 1979, có mặt tại phiên tòa.

5- Anh Trương Quân T- sinh năm 1983, có mặt tại phiên tòa.

6- Anh Bùi Quốc Đ- sinh năm 1979, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thị P, Vũ Hữu B và Hà Mạnh T đều làm việc tại Công ty cổ phần than Vinacomin (Viết tắt là Công ty than C). P được ông Vũ Hữu V là Quản đốc Công trường khai thác 1 (viết tắt CTKT1) ở mức +55, khu vực Tây Bắc C, thuộc tổ 4, khu 13, phường Mông D, thành phố Cẩm Phả, phân công nhiệm vụ quản lý kho của Công trường. P thực hiện công việc dưới sự giám sát trực tiếp của anh Đặng Văn P là Phó quản đốc cơ điện. B là nhân viên kỹ thuật (CTKT1), làm nhiệm vụ về kỹ thuật khai thác và giám sát việc giao, nhận vật tư tại kho, giao cho các tổ máy của CTKT1 khi được Quản đốc phân công. T là lái xe thuộc phân xưởng vận tải 6 (PXVT6) làm nhiệm vụ lái xe phục vụ cho các Công trường, trong đó có nhiệm vụ chở vật tư (dầu nhờn, mỡ máy) từ kho đến các tổ máy sản xuất theo nhật lệnh. Từ tháng 6/2018, trong quá trình làm việc T có quen biết Vũ Đình D làm nghề sửa chữa điện lạnh ô tô và trông coi nhà xưởng cho Công ty cổ phần công nghiệp Tân Tiến trong khai trường Công ty than C, rồi cho nhau số điện thoại để liên lạc.

Tại kho của CTKT1 có các loại vật tư: dầu nhờn, mỡ máy dùng cho máy xúc của Công trường. Số vật tư ở kho là do P nhận từ kho 76 của Xí nghiệp vật tư vận tải Cẩm Phả, theo kế hoạch được Công ty phê duyệt hàng tháng hoặc đột xuất, rồi nhập về kho. Đồng thời, cập nhật sổ, cấp phát dầu, mỡ máy cho các tổ máy thuộc CTKT1, dưới sự

giám sát của anh Pha hoặc cán bộ kỹ thuật, khi được quản đốc phân công theo nhật lệnh sản xuất. Quy định việc cấp phát vật tư: thực hiện ca 01 từ 7 giờ đến 15 giờ 30 Pt hàng ngày; trước giờ làm việc và hết giờ, P phải mở, đóng niêm phong, khóa cửa kho, rồi cất chìa khóa kho ở phòng làm việc. Trường hợp có sự cố đột xuất, thì anh Pha mở kho lấy vật tư, rồi niêm phong lại và thông báo cho P biết để làm phiếu. Cuối tháng, P cùng với anh Pha tiến hành kiểm kê vật tư tồn kho và lập báo cáo số lượng nhập, cấp phát và tồn kho cho Quản đốc và đối chiếu với Phòng vật tư của Công ty.

Do thường xuyên lái xe vận chuyển vật tư phục vụ các công trường, phân xưởng sản xuất, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt dầu nhờn của Công ty bán kiếm lời. T đã đặt vấn đề bán dầu cho D. Thời điểm đó, D có 02 máy nổ loại động cơ diesel, hút cát, than trôi tại lòng sông Mông D, nên cần dầu nhờn vận hành máy. Do đó, D đồng ý mua dầu nhờn của T, nhưng để dầu đảm bảo chất lượng, D chỉ mua dầu còn nguyên cây (tức là nguyên niêm phong của nhà sản xuất). T thỏa thuận với D, dầu nguyên cây bán với giá 4.000.000đồng/01 phuy. D biết dầu T bán là lấy của Công ty than C, nhưng thấy giá rẻ hơn so với giá thị trường, nên đồng ý và bảo T khi nào có dầu nhờn còn nguyên cây, thì chở đến mặt bằng Công ty Tân Tiến bán cho D. Sau khi thỏa thuận với D, T trao đổi lại với P, nếu cấp phát dầu mà bớt được dầu, gom được nguyên cây, thì T có chỗ bán được với giá 4.000.000 đồng/01 phuy, lấy tiền chia nhau. Do trong quá trình cấp phát dầu nhờn, P phát hiện có thể bớt số lượng dầu nhờn sau mỗi lần cấp phát, bằng cách bớt lại dầu, không phát đủ số lượng theo lệnh sản xuất cho các tổ máy của công trường, nên P đồng ý. Sau đó, mỗi lần đo phát dầu cho các tổ máy của CTKT1, P chủ động bớt lại từ 01 lít đến 02 lít dầu nhờn. Sau một thời gian thực hiện, đến đầu tháng 10/2018, P bớt được 01 phuy dầu, nhãn hiệu Total 15W-40, thể tích 208 lít. P thông báo cho B biết việc P đã bớt được 01 phuy dầu nhờn, bảo B bàn với T chở đi bán lấy tiền chia nhau. B đồng ý, nói với P để khi nào thuận lợi thì báo lại. Xong B nói lại cho T biết, rồi nói khi nào thuận lợi thì thực hiện, T đồng ý.

Sáng ngày 04/10/2018, P nhận lệnh phát dầu nhờn cho các tổ máy P6, P7, P10. Đồng thời, B được phân công đi giám sát việc cấp phát, giao dầu nhờn cho các tổ máy trên. B gọi điện thông báo lại cho P biết. Khoảng 7 giờ 10 Pt cùng ngày, B gọi điện thoại cho T hỏi “hôm nay có phục vụ khai thác 1 không”. T hiểu ý của B, nêu phục vụ CTKT1 sẽ mang phuy dầu đi bán. T trả lời B “để hỏi xem đã”. Sau đó, T xin lệnh đi phục vụ công việc cho CTKT1, rồi gọi điện cho B, thì B bảo đi qua khu văn phòng CTKT1, đón B. T điều khiển xe ô tô BKS 14C-051. của PXVT6 đi đón B đến kho của CTKT1. Tại đây, T và B gặp P, cả ba đã thống nhất chia số tiền bán phuy dầu: P được 1.800.000 đồng, B được 1.700.000 đồng, còn T được 500.000 đồng. Xong, P cấp số dầu nhờn, mỡ máy để phát cho các tổ máy P6, P7 và P10 đưa lên thùng xe của T, còn B trực tiếp vắn 01 phuy dầu nhờn động cơ 15W-40 còn nguyên niêm phong lên xe ô tô của T. Sau đó, B cùng T đi xe ô tô để giao lần lượt dầu nhờn, mỡ máy cho các tổ máy P6, P10, rồi đến tổ máy P12 thu hồi vật tư cũ. Khi xe đến ngã 6 khai trường Công ty, B xuống xe để T đi bán dầu và hẹn đón B đi giao dầu tiếp cho tổ máy P7. Xong, T gọi điện cho D, nói chở 01 phuy dầu nhờn còn nguyên cây đến bán. D bảo T cứ chở dầu nhờn đến bãi sửa chữa xe Công ty Tân Tiến. Khoảng 9 giờ 30 Pt cùng ngày, T điều khiển xe đi vào khu vực Công ty Tân Tiến gặp D. D nói với T là chưa có tiền, hẹn T hôm sau trả, T đồng ý. Sau đó, T và D trèo

lên thùng xe, cả hai vắn phuy dầu từ trên thùng xe ô tô xuống đất, thì bị Đội cảnh sát kinh tế về tội phạm Công an thành phố Cẩm Phả làm nhiệm vụ tuần tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: Xe ô tô tải BKS 14C-051., loại KAMAZ, tải 10 tấn, kèm 01 lệnh chạy xe ngày 04/10/2018; Dưới bãi đất của Công ty Tân Tiến 01 phuy dầu màu đỏ, nhãn hiệu TOTAL 15W-40, còn nguyên niêm phong, nắp thùng ghi sản xuất ngày 05/6/2018, lô sản xuất 19335, thể tích thực 208 lít; Trên thùng xe ô tô: 02 vỏ phi, 03 phuy không còn nguyên vẹn chứa chất lỏng dạng dầu nhờn; Thu giữ của T 02 điện thoại di động (01 Masstel màu đen, 01 Samsung); Thu giữ của D 01 điện thoại di động Iphone 5.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm kê số lượng vật tư ở kho của CTKT1. Kết quả: Số lượng vật tư cơ bản phù hợp với số lượng trên sổ theo dõi của Công trường. Riêng dầu nhờn TOTAL 15W-40 kiểm kê tại kho có 315,5 lít, nhưng sổ tồn theo sổ tính đến ngày 04/10/2018 là 409 lít, còn thiếu 93,5 lít.

Ngày 04 và 05 tháng 10 năm 2018, Cơ quan điều tra tiếp nhận Đỗ Thị P, Vũ Hữu B đến đầu thú và thu giữ của P 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI màu vàng, của B 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Microsoft màu đen.

Tại Kết luận định giá tài sản số 93/KL-HĐĐGTX ngày 08/10/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cẩm Phả, kết luận: 01 phuy dầu nhãn hiệu TOTAL 15W-40, còn nguyên niêm phong của nhà sản xuất, thể tích thực 208 lít có trị giá 13.728.000 đồng.

Quá trình điều tra, Đỗ Thị P khai thực tế P mới bớt được khoảng hơn 100 lít dầu TOTAL 15W-40, nhưng do ngày 04/10/2018, đã cùng B, T lấy cả 01 phuy dầu 208 lít mang bán, nên số dầu thực tế trong kho bị thiếu là 93,5 lít.

Tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Thị P, Hà Mạnh T, Vũ Hữu B và Vũ Đình D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu trên.

Ông Vương Văn B là đại diện ủy quyền của bị hại (Công ty Cổ phần than C-Vinacomin) vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo về nội dung vụ án. Tại đơn xin xử án vắng mặt, đại diện Công ty than C trình bày: Nay Công ty đã lấy lại được tài sản bị chiếm đoạt nên không đề nghị gì về việc bồi thường, về hình phạt Công ty đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người làm chứng anh Vũ Hữu V, anh Đặng Văn P, anh Đỗ Hồng D, anh Tạ Quân T, anh Trương Quân T và anh Bùi Quốc Đ có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại về nội dung vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số 10/CT-VKSCP ngày 26/01/2019, VKSND thành phố Cẩm Phả đã truy tố Đỗ Thị P, Hà Mạnh T, Vũ Hữu B và Vũ Đình D về tội: "*Tham ô tài sản*" theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố Cẩm Phả giữ nguyên Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội: "*Tham ô tài sản*" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 353; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

1. Đỗ Thị P từ 27 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Hà Mạnh T từ 27 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Vũ Hữu B từ 24 đến 27 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Vũ Đình D từ 18 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường, nơi các bị cáo cư trú, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đề nghị xử lý vật chứng và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo. Các bị cáo P, B và T hiện không còn đi làm nên không cần phải cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định.

Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả và bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Thị P, Hà Mạnh T, Vũ Hữu B và Vũ Đình D khai nhận hành vi phạm tội cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung vụ án mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đã truy tố các bị cáo, đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 04/10/2018, tại kho vật tư của Công trường khai thác 1 - Công ty cổ phần than C- Vinacomin, thuộc tổ 4, khu 13, phường Mông D, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Đỗ Thị P, Vũ Hữu B, có hành vi lợi dụng quyền hạn được giao quản lý tài sản, đã thông đồng với Hà Mạnh T, Vũ Đình D chiếm đoạt 01 phuy dầu nhớt nhãn hiệu TOTAL 15W-40 của Công ty cổ phần than C- Vinacomin, có trị giá 13.728.000 đồng. Đến 9 giờ 30 Pt cùng ngày, khi T đang giao phuy dầu cho D tại bãi sửa chữa của Công ty cổ phần công nghiệp Tân Tiến, thì bị Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tham ô tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến tài sản và hoạt động đúng đắn của Doanh nghiệp Nhà nước, việc làm của các bị cáo gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm.

[4] Luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo về tội danh, điều khoản truy tố, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đề nghị áp dụng là có căn cứ, phù hợp với nội dung của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo P là người có trách nhiệm trong việc quản lý tài sản nhưng đã cấu kết với các đối tượng khác để chiếm đoạt tài sản nên giữ vai trò đầu. Bị cáo T là người khởi xướng việc chiếm đoạt tài sản, cũng là người có trách nhiệm trong việc quản lý tài sản và là người trực tiếp liên lạc, tiêu thụ tài sản nên giữ vai trò tiếp theo. Bị cáo B là người được giao nhiệm vụ giám sát hoạt động của bị cáo P và bị cáo T nhưng đã tiếp nhận ý chí phạm tội từ bị cáo P, thông đồng với bị cáo T nên giữ vai trò thứ ba. Bị cáo D là người tiêu thụ tài sản nhưng bị cáo đã hứa hẹn trước với bị cáo T về việc tiêu thụ tài sản nên giữ vai trò giúp sức và giữ vai trò cuối trong vụ án.

[6] Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội và có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã bị thu hồi trả lại cho bị hại nên gây thiệt hại không lớn; Các bị cáo P, T và D có bố, mẹ đẻ là người có công với Nhà nước (Bố bị cáo P được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba và Chủ tịch Hội đồng nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; Mẹ bị cáo T được Hội đồng bộ trưởng tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; Bố bị cáo D được nhà Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng nhì và Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba); Bị cáo B trong quá trình làm việc đã được tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp công ty; Các bị cáo P và B sau khi phạm tội đã ra đầu thú; Các bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, tài sản chiếm đoạt không lớn đã bị thu hồi trả lại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Mặt khác các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam một thời gian cũng lấy đó làm bài học cho bản thân. Bị cáo P hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, cần giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không cần thiết phải bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù mà để các bị

cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình và xã hội trong một thời gian nhất định cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích.

Bị cáo T có vai trò sau bị cáo P nhưng là kẻ khởi xướng và hoạt động tội phạm tích cực nhất nên bị cáo T phải chịu mức hình phạt ngang với bị cáo P mới phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo B và bị cáo D phải chịu mức hình phạt tương xứng với vai trò và mức độ phạm tội của mình.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Công ty Cổ phần than C- Vinacomin đã được trả lại tài sản bị chiếm đoạt, nay không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết

[8] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*.

Xét thấy, các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo P, T và B không có chức vụ tại Công ty than C và hiện không còn đi làm nên không cần cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định.

[9] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 phuy dầu nhờn nhãn hiệu TOTAL 15W-40 và toàn bộ tài sản khác liên quan cho Công ty cổ phần than C- Vinacomin nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với 05 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo đều sử dụng liên lạc việc phạm tội, do vậy cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[10] Nội dung khác: Đối với Vũ Hữu V và Đặng Văn P là quản đốc và phó quản đốc Công trường khai thác 1, không biết việc chiếm đoạt dầu trong kho của Đỗ Thị P, mặt khác trị giá tài sản P và đồng phạm chiếm đoạt của Công ty là 13.728.000 đồng, nên không cấu thành tội phạm.

Ngoài ra tại cơ quan điều tra Đỗ Thị P, Hà Mạnh T còn khai: Trước ngày 04/10/2018 khoảng 02 đến 03 tháng, P, T, B đã thông đồng bán 01 phuy dầu nhờn của Công ty cổ phần than C cho D được 4.000.000 đồng chia nhau. Nhưng Vũ Hữu B khai nhận ngày 04/10/2018 là lần đầu B tham gia cùng P, T bán phuy dầu lấy của CTKT1; còn D khai ngày 04/10/2018 là lần đầu tiên mua dầu của T. Mặt khác, Công ty than C không trình báo CTKT1 bị mất tài sản gì khác và tại Kết quả kiểm kê tài sản tại kho CTKT1, đối chiếu với số lượng dầu nhờn, nhập vào, cấp phát cho các tổ máy của CTKT1 theo sổ sách của Công ty than C, từ tháng 01/2018 đến tháng 9/2018, không có sự chênh lệch, hao hụt dầu. Tại phiên tòa bị cáo P và bị cáo T khai nhận ngày 04/10/2018 là lần đầu tiên thông đồng với nhau bán phuy dầu của Công ty cổ phần than C, các bị cáo khẳng định lời khai trước đó của các bị cáo tại cơ quan điều tra là do hoang mang khi mới bị bắt nên khai không đúng. Do đó, không đủ chứng cứ xác định việc P, T, B đã bán dầu cho D trước ngày 04/10/2018.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 353; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo: Đỗ Thị P, Hà Mạnh T, Vũ Hữu B và Vũ Đình D phạm tội: "*Tham ô tài sản*".

Xử phạt:

1. Bị cáo Đỗ Thị P 30 (ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Bị cáo Hà Mạnh T 30 (ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Bị cáo Vũ Hữu B 27 (hai mươi bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Bị cáo Vũ Đình D từ 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Thị P cho Ủy ban nhân dân phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Hà Mạnh T và bị cáo Vũ Hữu B cho Ủy ban nhân dân phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Vũ Đình D cho Ủy ban nhân dân phường Mông D, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo Đỗ Thị P, Hà Mạnh T, Vũ Hữu B và Vũ Đình D có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng: điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03, 08, 09 và 10/LCCT-TA ngày 01/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo Đỗ Thị P, Vũ Đình D, Hà Mạnh T và Vũ Hữu B.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 05 điện thoại di động các loại, gồm: 01 điện thoại di động hiệu MI màu vàng (thu của P); 01 điện thoại di động hiệu Microsoft màu đen (thu của B); 02 điện thoại di động (thu của T): 01 hiệu Masstel màu đen và 01 hiệu Samsung; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 (thu của D).

(Tình trạng như Biên bản giao vật chứng số 49/BB-THA ngày 04/3/2019 giữa Công an thành phố và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Đỗ Thị P, Hà Mạnh T, Vũ Hữu B và Vũ Đình D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt bị hại. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND TP. Cẩm Phả;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Cẩm Phả;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. Cẩm Phả;
- Lưu hồ sơ, văn phòng, THA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Phạm Duy Hải